

TÍNH TẤT YẾU VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG XÃ HỘI SỐ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TS. NGUYỄN VĂN CHÂU

Trường Quân sự Quân khu 7

Ngày tiếp nhận: 10/7/2025 Ngày bình duyệt: 30/7/2025 Ngày duyệt đăng: 25/8/2025

• **Tóm tắt:** Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm xây dựng xã hội số, đáp ứng nhu cầu của người dân trong thời đại số. Bài viết chỉ ra tính tất yếu phải xây dựng xã hội số và một số giải pháp cơ bản nhằm xây dựng xã hội số ở Việt Nam hiện nay.

• **Từ khóa:** Xã hội số, chuyển đổi số, Nghị quyết số 57-NQ/TW

Thuật ngữ “xã hội số” xuất hiện trong bối cảnh phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, được hiểu là xây dựng xã hội trong đó công nghệ số được tích hợp sâu rộng vào mọi mặt của đời sống xã hội. Xã hội số được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, xã hội số bao trùm lên mọi hoạt động của cá nhân, cộng đồng cũng như các lĩnh vực của đời sống xã hội. Theo nghĩa hẹp, xã hội số bao gồm công dân số và văn hóa số. Xã hội số cùng với chính phủ số và kinh tế số tạo thành ba trụ cột của chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam hiện nay. Bài viết tiếp cận xã hội số theo nghĩa hẹp. Trong đó: (1) công dân số là những người có khả năng sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả trong hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ địa phương đến quốc gia và toàn cầu. Họ được cấu thành bởi: “Khả năng truy cập các nguồn thông tin số; khả năng giao tiếp trong môi trường số; kỹ năng giao dịch, mua bán hàng hóa, sản phẩm trên môi trường số; chuẩn mực đạo đức trong môi trường số; bảo vệ thể chất và tâm lý trước các ảnh hưởng từ môi trường số; quyền và trách nhiệm của công dân trong môi trường số; định danh và xác thực, thông tin dữ liệu cá nhân và

các quyền riêng tư trong môi trường số”¹; (2) văn hóa số là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, hành vi, thái độ của con người trong quá trình sử dụng công nghệ số, bao gồm văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo, văn hóa kinh doanh, văn hóa quản lý, ... trong môi trường số.

1. Tính tất yếu xây dựng xã hội số ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến vấn đề chuyển đổi số. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có quan điểm chỉ đạo: “Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”². Tiếp đến, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định nội dung của chuyển đổi số quốc gia trong những năm tới: “Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý Nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội”³. Cụ thể hóa

chủ trương của Đảng, ngày 20/5/2021 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP về *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả. Điều này cho thấy, chuyển đổi số quốc gia được thực hiện trên ba nội dung cơ bản là kinh tế số, xã hội số và chính phủ số.

Trong lĩnh vực xã hội số, Đại hội lần thứ XIII chú trọng xây dựng công dân số và văn hóa số: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”⁴. Thể chế hóa chủ trương này, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án *Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* nhằm “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số. Phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương”⁵. Đề án triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số, xây dựng, ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học nhằm xây dựng công dân số.

Để cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng xã hội số, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về *Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* xác định đến năm 2025, phần đầu 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được cho phép khác; hơn 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; hơn 70%

người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; 80% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang; hơn 70% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản; trên 50% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến; trên 30% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa; 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; 80% các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở (với các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông, tỉ lệ này là 70%)⁶.

Nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* đề ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam: “Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới”⁷. Nghị quyết này thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng hạ tầng dữ liệu lớn phục vụ hoàn thành mục tiêu xã hội số.

Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị, chuyển đổi số quốc gia nói chung và xây dựng xã hội số nói riêng ở Việt Nam đã ghi nhận nhiều thành tựu đáng khích lệ. Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ ra những thành tựu về xã hội số năm 2024: tỷ lệ truy cập các nền tảng số *Make in Vietnam* so với các nền tảng số nước ngoài đạt 25,25% tăng 5,62% so với năm 2023. Đây là lần đầu tiên tỷ lệ truy cập các nền tảng số *Make in Vietnam* so với các nền tảng số nước ngoài vượt thị phần 20%; số lượng tải các ứng dụng di động của Việt Nam duy trì top 11 thế giới trong khi dân số Việt Nam top 15 thế giới; Bộ Công an đã cấp hơn 87 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip và thu nhận 75,7 triệu hồ sơ định danh điện tử, tăng 5,5 triệu tài khoản so với tháng 12/2023; 87,08% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử; hơn 13 triệu chữ ký số đã được cấp, đạt tỷ lệ 25% tổng số người trưởng thành có chữ ký số. Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành văn bản hướng

dẫn các địa phương về Khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu nhằm phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn (phiên bản 1.0)⁸.

Việt Nam có trên 1,5 triệu lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp. Các cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin, điện tử viễn thông là 168 trường đại học và 520 trường nghề. Ngành công nghệ thông tin và truyền thông cũng là ngành kỹ thuật có số chỉ tiêu tuyển sinh cao nhất, thu hút được nhiều sinh viên tham gia, với tổng chỉ tiêu tuyển sinh xấp xỉ 100.000. Tổng nhân lực công nghệ thông tin hiện nay ước đạt 561.000, chiếm 1,1% trên tổng số lao động. Năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà (nền tảng) cho tổng cộng 412.677 lượt cán bộ công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến cấp xã và trong các tập đoàn, tổng công ty nhà nước (tăng 35,3% so với năm 2023)⁹; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương sử dụng miễn phí nền tảng và bài giảng, học liệu để chủ động biên tập, biên soạn và bồi dưỡng, tập huấn cho 287.000 cán bộ công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, địa phương mình (tăng 105% so với năm 2023); thực hiện phổ cập kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cho người dân trên nền tảng với gần 40 triệu lượt truy cập nền tảng tham gia khóa học (tăng 17 triệu lượt truy cập so với năm 2023)¹⁰.

Đối với xây dựng dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, trong tháng 10/2024, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với 36 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và 63 địa phương kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức với 2.390.142 hồ sơ; đối khớp 1.091.481 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư¹¹.

Tuy nhiên, xây dựng xã hội số còn nhiều hạn chế, bất cập. Một số cán bộ, công chức tư pháp cấp xã không thực hiện ký chữ ký số lên bản điện tử những giấy tờ như: đăng ký khai sinh, khai tử, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi... mà chỉ ký, đóng dấu trực tiếp lên giấy tờ này và trả kết quả cho người dân dẫn đến

phần mềm dịch vụ công liên thông không nhận được bản điện tử các giấy tờ này để bổ sung vào hồ sơ công dân ở cơ quan công an, cơ quan bảo hiểm. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân.

Bên cạnh đó, tình trạng xuống cấp về đạo đức, những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong văn hóa ứng xử trên mạng và thậm chí lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cũng gia tăng. Theo báo cáo chỉ số văn minh trên không gian mạng (DCI) do Microsoft công bố năm 2021, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia có mức độ văn minh thấp trên không gian mạng¹². Những công dân thiếu chuẩn mực văn hóa đã tận dụng tối đa, triệt để những tính năng, tác dụng, sức lan tỏa của mạng xã hội để đăng tải những thông tin thiếu kiểm chứng, dùng từ ngữ thiếu văn hóa nhằm bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác diễn ra ngày càng nhiều. Việc lệch chuẩn trên môi trường số đã gây những hậu quả hết sức đáng tiếc; không ít công dân vì thiếu hiểu biết môi trường số đã a dua theo trào lưu, hám lợi mù quáng phát tán những nội dung vi phạm pháp luật; sử dụng ngôn ngữ phản cảm, vi phạm không gian số; tung tin giả, tin sai sự thật; quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép;... gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Tỷ lệ người dân sử dụng các nền tảng chính quyền điện tử như dịch vụ công trực tuyến hay cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương vẫn còn rất thấp, mặc dù tỷ lệ người dùng Internet ngày càng tăng.

Ngoài ra, đa số người dân trình độ về công nghệ thông tin còn yếu, xu hướng thích thực hiện các thủ tục, giao dịch theo phương pháp truyền thống; một bộ phận người thực thi công vụ có trình độ công nghệ thấp, chưa đủ năng lực sử dụng công nghệ số vào giải quyết các công việc; v.v. những điều này gây ra những rào cản cho việc xây dựng công dân số, văn hóa số, từ đó gây ra nhiều khó khăn trong xây dựng xã hội số.

2. Một số giải pháp xây dựng xã hội số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW

Thứ nhất, để đến năm 2030, Việt Nam xây dựng xã hội số đạt trình độ cao trên thế giới như

mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW đưa ra, trước mắt cần “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu”¹³. Chính phủ tập trung phát triển nhanh, bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các ngành, các cấp cần phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế. Các địa phương chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Chính phủ phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu; có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng công dân số, văn hóa số phải trên cơ sở hoàn thiện các chính sách có liên quan đến dữ liệu công dân, các lĩnh vực quản lý nhà nước. Do vậy, “Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”¹⁴. Theo đó, Chính phủ phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định rõ nhiệm vụ theo cách thức quản trị số, phát huy sự tham gia tích cực

của người dân, doanh nghiệp và phục vụ họ ngày càng tốt hơn. Chính quyền các cấp khẩn trương hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về cư trú, hộ tịch, quốc tịch và các vấn đề khác có liên quan (quyền nhân thân, quyền tài sản...): “Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội”¹⁵.

Thứ ba, Chính phủ cần triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về công nghệ số, cách thức áp dụng trong giải quyết công việc; chính sách giúp công dân cách thức sử dụng, ứng dụng công nghệ số để bản thân mỗi cán bộ, công chức và người dân là một thực thể của số hóa, góp phần đẩy nhanh tiến trình số hóa tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ quan đào tạo, bồi dưỡng xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm yêu cầu thiết thực và cập nhật; tiến hành rà soát, đánh giá đúng những hạn chế, vướng mắc của hệ thống thể chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện hành để có cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách, giảm thiểu bất cập, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và phản ánh đúng yêu cầu của nền hành chính hiện đại; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc xác định nhu cầu thực tế để xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm hiệu quả; tạo lập cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đáp ứng yêu cầu trình độ theo quy định, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực làm việc; tập trung xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ “Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thể chế theo hướng tăng cường bồi dưỡng theo nhu cầu, yêu cầu của vị trí việc làm” quy định tại Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, các địa phương thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao thu nhập của người dân, làm cơ sở cho việc từng người dân tự trang bị cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại để phục vụ cho việc số hóa và khai thác dữ liệu cá nhân trong xây dựng xã hội số; đầu tư hạ tầng số, đặc biệt cho vùng sâu, vùng xa và hỗ trợ thiết bị số cho người khó khăn. Chính phủ tiếp tục hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm đời sống vật chất và tinh thần; cải cách chính sách đãi ngộ, đặc biệt nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức để họ an tâm công tác trong quá trình xây dựng chính quyền số.

Thứ năm, Chính phủ cần triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số cho cán bộ, công chức và nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia¹⁶. Các địa phương đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”, thành lập các đội tình nguyện “Bình dân học vụ số” tại xã, phường để hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng, truy cập cổng dịch vụ công, sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ người lớn tuổi, đồng bào vùng sâu, vùng xa làm quen với điện thoại thông minh, Internet và các ứng dụng số hữu ích. Chính quyền các cấp đẩy nhanh triển khai hiệu quả Đề án nâng cao kỹ năng số, tích hợp kiến thức số và trí tuệ nhân tạo vào giáo dục phổ thông; phát huy tổ công nghệ số cộng đồng, từng bước hình thành các mô hình “gia đình số”, “nông thôn số”, “đô thị số” để tiến tới xã hội số.

Xây dựng xã hội số ở Việt Nam hiện nay là trách nhiệm của mỗi cán bộ, người dân và doanh nghiệp. Chìa khóa để xây dựng thành công xã hội số nằm trong tư duy, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và hành động của mọi công dân. Vì vậy, chính quyền các cấp cần tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của

Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. ■

¹ Lê Thị Thanh Hà (2023): “Phát triển công dân số trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, số 12, tr.42 - 47.

² Bộ Chính trị (2019): *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>, truy cập ngày 10/6/2022.

^{3,4} Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I, tr.208, 223.

⁵ Thủ tướng Chính phủ (2022): *Quyết định 146/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205276>, truy cập ngày 20/3/2025.

⁶ Thủ tướng Chính phủ (2022): *Quyết định số 411/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205555>, truy cập ngày 20/3/2025.

^{7,13,14,15,16} Bộ Chính trị (2024): *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>, truy cập ngày 10/6/2025.

⁸ Bộ Thông tin và Truyền thông (2024): *Văn bản số 3139/BTTTT-KTS&XHS về việc hướng dẫn Khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn (phiên bản 1.0)*, <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Cong-nghe-thong-tin/Cong-van-3139-BTTTT-KTS-XHS-2024-khung-chuong-trinh-nang-cao-ky-nang-so-nguoi-dan-nong-thon-622238.aspx>, truy cập ngày 20/3/2025.

^{9,10,11} Bộ Thông tin và Truyền thông (2024): *Báo cáo chuyển đổi số quốc gia tháng 10 năm 2024*, <https://luatvietnam.vn/thong-tin/bao-cao-200-bc-bttt-2024-chuyen-doi-so-quoc-gia-thang-10-nam-2024-371772-d6.html>, truy cập ngày 10/3/2025.

¹² Bộ Thông tin và Truyền thông (2022): *Giải pháp phát triển văn hóa, hành vi ứng xử trên không gian mạng xã hội tại Việt Nam*, <https://nhandan.vn/giai-phap-phat-trien-van-hoa-hanh-vi-ung-xu-tren-mang-xa-hoi-tai-viet-nam-post730324.html>, truy cập ngày 7/12/2023.